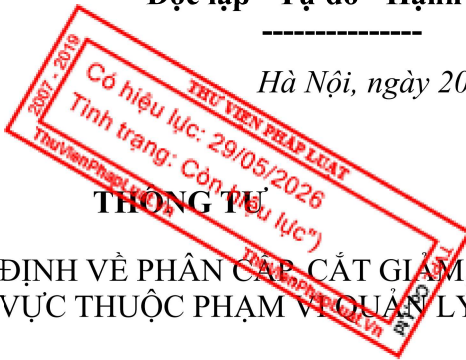


BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2026/TT-BCT

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2026



SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP, CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Chương I

LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2024/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

1. Thẩm quyền của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

a) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

b) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp hoặc tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí hoặc cho tổ chức, doanh nghiệp có giấy phép hoạt động khoáng sản nhóm I do Bộ Nông nghiệp và Môi

trường cấp (bao gồm tổ chức, doanh nghiệp có giấy phép hoạt động khoáng sản nhóm I do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp còn hiệu lực), trừ tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

c) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép dịch vụ nổ mìn tại địa phương có phạm vi hoạt động giới hạn trong địa bàn đất liền của 01 (một) tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương hoặc dịch vụ nổ mìn trên thềm lục địa hoặc dịch vụ nổ mìn có phạm vi hoạt động trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thẩm quyền của Cục Hóa chất

a) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ;

b) Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ.

3. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ trên địa bàn quản lý, trừ các tổ chức quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

b) Cấp, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ;

c) Cấp, cấp lại giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp;

d) Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Hồ sơ, thủ tục đăng ký mới, đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ

1. Hồ sơ, thủ tục đăng ký mới, đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký mới, đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp không sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

3. Hồ sơ, thủ tục đăng ký mới

a) Hồ sơ bao gồm: Văn bản đăng ký nhiệm vụ theo Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản về đăng ký nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với trường hợp tổ chức chủ trì nhiệm vụ là đơn vị có cơ quan chủ quản); thuyết minh nhiệm vụ theo Mẫu số 02 hoặc Mẫu số 03 hoặc Mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; hồ sơ minh chứng việc đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát, đánh giá nội dung hồ sơ, xem xét, ban hành quyết định phê duyệt nhiệm vụ bao gồm các nội dung: Tên, mục tiêu, nội dung, tiến độ và sản phẩm của nhiệm vụ. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, chuyên gia có liên quan trước khi quyết định. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp có sự thay đổi tên, mục tiêu, nội dung, tiến độ và sản phẩm của nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện đăng ký bổ sung theo thủ tục quy định tại

khoản 3 Điều này. Hồ sơ đăng ký bổ sung bao gồm: Văn bản đăng ký bổ sung và tài liệu chứng minh sự thay đổi.

5. Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc gửi trực tiếp về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

3. Thay thế Mẫu số 03, 08, 09 Phụ lục III, các Mẫu số 01, 02, 03, 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT tương ứng bằng các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 Phần I Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 3. Bãi bỏ khoản 1 Điều 1 Thông tư số 15/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Chương II

LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7 Thông tư số 24/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản

“4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hàm lò theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều khoản của Thông tư số 43/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản

1. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Đối với trường phòng, quản đốc, trưởng ca”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Trình tự kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn về khai thác khoáng sản:

a) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo kế hoạch kiểm tra cho tổ chức đề nghị. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kế hoạch kiểm tra, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 7 như sau:

“5. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn về khai thác khoáng sản theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 Điều 7 như sau:

“d) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn về khai thác khoáng sản; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 8 Điều 7 như sau:

“b) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định thu hồi theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và thu hồi Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn về khai thác khoáng sản.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 8 như sau:

“5. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ tài liệu hợp lệ, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp tổ chức kiểm tra; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp ban hành văn bản chấp thuận đối với hệ thống thiết bị, phương tiện trước khi đưa vào vận hành lần đầu trong mỏ hầm lò theo Mẫu số 06 của Phụ lục kèm theo Thông tư này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ tài liệu hợp lệ, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp phải tổ chức kiểm tra; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp ban hành Quyết định xếp loại mỏ hầm lò theo mức độ nguy hiểm do khí mê-tan cháy, nổ gây ra theo Mẫu số 08 của Phụ lục kèm theo Thông tư này.”.

8. Bãi bỏ điểm d khoản 3 Điều 8 và điểm đ khoản 1 Điều 9.

Chương III

LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỐC LÁ

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 57/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Mẫu đơn đề nghị, mẫu Giấy phép và các mẫu bảng kê liên quan đến việc cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép bao gồm: Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Mẫu đơn đề nghị, Mẫu giấy cấp sửa đổi, bổ sung đối với Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá

1. Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá theo mẫu Phụ lục 30, 32 kèm theo Thông tư này.

2. Mẫu giấy cấp sửa đổi, bổ sung đối với Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá theo mẫu Phụ lục 31, 33 kèm theo Thông tư này.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Mẫu đơn đề nghị, Mẫu giấy cấp lại đối với Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá

1. Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá đã được cấp, hết thời hạn hiệu lực theo mẫu Phụ lục 10, 14 kèm theo Thông tư này.

2. Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá đã được cấp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy theo mẫu Phụ lục 38, 40 kèm theo Thông tư này.

3. Mẫu giấy cấp lại đối với Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá đã được cấp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy theo mẫu Phụ lục 39, 41 kèm theo Thông tư này.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Biểu mẫu, chế độ báo cáo đối với cơ quan quản lý nhà nước

Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo về Bộ Công Thương tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá trên địa bàn theo mẫu Phụ lục 55 kèm theo Thông tư này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi khoản 4 Điều 13 như sau:

“4. Định kỳ 06 (sáu) tháng, doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá phải gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá trên địa bàn tỉnh chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo theo mẫu Phụ lục 62 kèm theo Thông tư này.”

b) Sửa đổi khoản 6 Điều 13 như sau:

“6. Định kỳ 06 (sáu) tháng doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá phải gửi báo cáo về cơ quan cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá về tình hình sản xuất kinh doanh chế biến nguyên liệu thuốc lá chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo theo mẫu Phụ lục 64 kèm theo Thông tư này.”

c) Sửa đổi khoản 7 Điều 13 như sau:

“7. Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, doanh nghiệp kinh doanh thuốc lá phải gửi báo cáo năm trước của đơn vị mình về cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy phép về tình hình sản xuất xuất khẩu và gia công xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá theo mẫu Phụ lục 65 kèm theo Thông tư này.”

d) Sửa đổi khoản 8 Điều 13 như sau:

“8. Trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị mới để sản xuất xuất khẩu hoặc thay thế máy móc, thiết bị cũ, trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá báo cáo về Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, tình hình nhập khẩu và sử dụng máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá theo mẫu Phụ lục 66 kèm theo Thông tư này.”

đ) Sửa đổi khoản 9 Điều 13 như sau:

“9. Định kỳ 06 (sáu) tháng, nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá (thương nhân sản xuất) có trách nhiệm gửi báo cáo thống kê sản lượng, loại sản phẩm thuốc lá kinh doanh trên thị trường về Bộ Công Thương theo Mẫu số 19, Mẫu số 20 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT.”.

6. Sửa đổi khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Khi phát hiện tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá vi phạm các quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc lá và quy định của pháp luật có liên quan.”

7. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“Điều 16. Nội dung kiểm tra

“1. Kiểm tra hồ sơ việc cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện: mua bán nguyên liệu thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá, sản xuất sản phẩm thuốc lá, kinh doanh sản phẩm thuốc lá theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ; đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu; quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá, đầu tư nước ngoài sản xuất sản phẩm thuốc lá theo quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc lá và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về sử dụng máy móc thiết bị chuyên ngành sản xuất thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá và tem sản phẩm thuốc lá theo quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc lá và quy định của pháp luật có liên quan.”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 21 như sau:

“1. Cục Công nghiệp theo chức năng nhiệm vụ, chủ trì và phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt về chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá.

b) Xây dựng kế hoạch kiểm tra và tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thực hiện quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc lá.

c) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt về chủ trương đối với các hoạt động khác liên quan đến kinh doanh thuốc lá theo quy định.”.

b) Sửa đổi khoản 3 Điều 21 như sau:

“3. Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp các đơn vị thực hiện tổ chức kiểm tra các tổ chức, cá nhân có liên quan về việc tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc lá.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 21 như sau:

“6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, trả lời doanh nghiệp đối với các thủ tục: cấp, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá; Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại; Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu; Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá; Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước.

b) Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra và tổ chức hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc lá và quy định của pháp luật liên quan.”.

9. Bãi bỏ Điều 4; Điều 5; Điều 8; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 9; khoản 5, khoản 10 Điều 13; khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 21.

10. Bãi bỏ các Phụ lục 4, 5, 6, 7, 8, 9, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 34, 35, 36, 37, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 56, 57, 69, 70, 71 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

11. Thay thế các Phụ lục 55, 62, 64, 65 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT tương ứng bằng các Mẫu số 03, 04, 05, 06 Phần IV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều khoản của Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Mẫu đơn đề nghị nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước

1. Doanh nghiệp nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại gửi đơn đăng ký theo mẫu Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này về Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu gửi đơn đăng ký theo mẫu Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này về Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá gửi đơn đăng ký theo mẫu Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này về Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước gửi đơn đăng ký theo mẫu Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này về Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Mẫu văn bản trả lời nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước

Mẫu văn bản trả lời về nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước theo mẫu Phụ lục 10, 13, 14, 15 kèm theo Thông tư này.”.

3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 1.

4. Bãi bỏ các Phụ lục 2, 3, 11, 12 ban hành kèm theo Thông tư số 43/2023/TT-BCT.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 38/2025/TT-BCT

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Bổ sung các biểu mẫu thực hiện một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuốc lá theo quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

Văn bản đề nghị chấp thuận đầu tư nước ngoài theo hình thức liên doanh sản xuất sản phẩm thuốc lá, văn bản đề nghị chấp thuận hợp đồng nhượng quyền sở hữu công nghiệp sản xuất thuốc lá, văn bản đề nghị thuê, mượn, chuyển nhượng máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất còn dư năng lực hoặc điều chuyển năng lực sản xuất sản phẩm thuốc lá của doanh nghiệp quy định tại điểm 1 Phần II, điểm 1 Phần III, Phần XIV Mục B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.”.

2. Thay thế các Mẫu số 19, 20 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT tương ứng bằng các Mẫu số 01, 02 Phần IV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 30 và khoản 1 Điều 31.

4. Bãi bỏ các mẫu số 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT.

Điều 9. Bãi bỏ khoản 2 Điều 8 và Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2026/TT-BCT.

Chương IV

LĨNH VỰC KINH DOANH XĂNG DẦU

Điều 10. Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư số 38/2014/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Thông tư số 28/2017/TT-BCT, khoản 3 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT và khoản 1 Điều 1 Thông tư số 18/2025/TT-BCT.

Điều 11. Bãi bỏ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 18/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các Thông tư quy định về kinh doanh xăng dầu.

Chương V

LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 12. Bãi bỏ Điều 17 Thông tư số 47/2014/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử.

Điều 13. Bãi bỏ Điều 16 Thông tư số 59/2015/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động.

Chương VI

LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2015/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Đối với hàng hóa không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, việc quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chỉ được thực hiện sau khi có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết và hình thức nộp hồ sơ

1. Đối với hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này (trừ vật liệu nổ công nghiệp), chủ hàng gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để được xem xét, giải quyết.

2. Trường hợp hàng hóa quá cảnh là vật liệu nổ công nghiệp, chủ hàng gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa đến Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu).

3. Hình thức nộp hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Thông tư này bao gồm trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có).”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Chứng từ khi làm thủ tục hải quan cho hàng hóa quá cảnh

Chủ hàng hoặc người chuyên chở phải nộp, xuất trình cho cơ quan Hải quan Giấy phép quá cảnh được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư này, Hợp đồng vận chuyển hàng quá cảnh và các loại chứng từ theo quy định của pháp luật về hải quan”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc cấp các giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Điều 13 và Điều 14 Thông tư này.

2. Cục Xuất nhập khẩu tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Thông tư này và trình Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét, quyết định”.

5. Thay thế Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BCT tương ứng bằng các Mẫu số 01, 02, 03 Phần II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 22/2009/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Đối với hàng hóa quy định tại khoản 3 Điều 4 của Hiệp định, chủ hàng gửi hồ sơ đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ bao gồm:

a. Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa (theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này).

b. Văn bản đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa của Bộ trưởng Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (bản chính).”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 1 như sau:

“4. Hình thức nộp hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Thông tư này bao gồm trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có).”.

3. Bổ sung khoản 6 Điều 1 như sau:

“6. Mẫu giấy phép quá cảnh hàng hóa được quy định tại Phụ lục 5 Thông tư này.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa được gửi đến cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép đó theo các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư này.”.

5. Bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau:

“4. Mẫu văn bản trả lời đơn đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa được quy định tại Phụ lục 6A và 6B ban hành kèm theo Thông tư này.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Quá cảnh hàng hóa không theo giấy phép quá cảnh

Các loại hàng hóa khác không thuộc trường hợp quy định tại Điều 1 Thông tư này, khi quá cảnh qua các cặp cửa khẩu được quy định tại Điều 6 của Hiệp định, chủ hàng hoặc người chuyên chở chỉ cần làm thủ tục cho hàng hóa quá cảnh tại cơ quan hải quan, không phải có giấy phép quá cảnh.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Trừ hàng hóa thuộc Danh mục nêu tại khoản 1 Điều này, các loại hàng hóa quá cảnh khác được phép tiêu thụ tại Việt Nam trong trường hợp bất khả kháng sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 như sau:

“4. Trong trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 2 Điều này, chủ hàng gửi hồ sơ đề nghị cho phép tiêu thụ hàng quá cảnh đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ bao gồm:

a. Đơn đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này).

b. Tài liệu chứng minh trường hợp bất khả kháng đối với hàng hóa quá cảnh xin được tiêu thụ tại Việt Nam.”.

9. Bãi bỏ Điều 3.

10. Thay thế Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5, Phụ lục 6A, Phụ lục 6B ban hành kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BCT tương ứng bằng các Mẫu số 04, 05, 06, 07, 08, 09 Phần II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2014/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục cấm của Campuchia quy định tại khoản 4 Điều 4 Hiệp định, chủ hàng gửi Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa (theo mẫu

quy định tại Phụ lục IIA ban hành kèm theo Thông tư này) đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau:

“3. Đối với hàng hóa thuộc danh mục hàng cấm của Campuchia quy định tại khoản 5 Điều 4 Hiệp định, chủ hàng gửi hồ sơ đề nghị cấp phép quá cảnh hàng hóa đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cho phép quá cảnh: 01 bản chính (theo mẫu quy định tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Văn bản của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa: 01 bản chính.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau:

“4. Đối với mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý quy định tại khoản 2 Điều 5 Hiệp định, chủ hàng gửi hồ sơ đề nghị cấp phép quá cảnh hàng hóa đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa: 01 bản chính (theo mẫu quy định tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Văn bản của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa: 01 bản chính.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 3 như sau:

“6. Đối với hàng hóa quy định tại khoản 5 Điều 4 Hiệp định và mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý quy định tại khoản 2 Điều 5 Hiệp định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép quá cảnh sau khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ của chủ hàng và văn bản của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa được gửi qua Đại sứ quán hoặc cơ quan Thương vụ của Việt Nam tại Campuchia hoặc Đại sứ quán hoặc cơ quan Thương vụ của Campuchia tại Việt Nam.”

5. Bổ sung khoản 10 Điều 3 như sau:

“10. Hình thức nộp hồ sơ đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này bao gồm trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có).”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Quá cảnh hàng hóa khác

Các loại hàng hóa khác không thuộc trường hợp quy định tại Điều 4 và khoản 1, khoản 2 Điều 5 Hiệp định, khi quá cảnh theo đường bộ, đường thủy hoặc đường sắt qua các cặp cửa khẩu quy định tại Điều 7 Hiệp định, chủ hàng hoặc người chuyên chở được ủy quyền hợp pháp làm thủ tục quá cảnh tại cơ quan Hải quan, không phải xin giấy phép quá cảnh hàng hóa”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Hàng hóa không thuộc Danh mục quy định tại khoản 1 Điều này không được phép tiêu thụ tại Việt Nam trừ trường hợp bất khả kháng. Việc tiêu thụ hàng hóa quy định tại khoản này phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 12 như sau:

“4. Trong trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 2 Điều này, chủ hàng gửi hồ sơ đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) đến Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh: 01 bản chính (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này).
- b) Giấy phép quá cảnh hàng hóa đã được cấp: 01 bản sao (có ký xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của chủ hàng), nếu là hàng hóa quá cảnh theo giấy phép.
- c) Tài liệu chứng minh trường hợp bất khả kháng đối với hàng hóa quá cảnh xin được tiêu thụ tại Việt Nam.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Cục Xuất nhập khẩu tiếp nhận, thẩm định hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này và trình Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét, quyết định.
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3 và khoản 4 Điều 12 Thông tư này.”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 24/2024/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Bãi bỏ khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 1, khoản 4 Điều 2.
2. Thay thế Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BCT tương ứng bằng các Mẫu số 10, 11, 12, 13, 14 Phần II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 12/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP

1. Bãi bỏ khoản 3 Điều 9.
2. Thay thế Phụ lục X, XI ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BCT tương ứng bằng các Mẫu số 15, 16 Phần II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 40/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 4 như sau:

“1. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) tổ chức triển khai cấp, cấp lại, cấp giáp lưng các loại C/O tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai cấp, cấp lại, cấp giáp lưng các loại C/O tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc đáp ứng điều kiện được thực hiện trên cơ sở tự đánh giá theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 8 như sau:

“d) Duy trì điều kiện cấp C/O theo quy định tại Điều 5 Thông tư này”.

3. Thay thế Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT bằng Mẫu số 17 Phần II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thay thế Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT bằng Mẫu số 18 Phần II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Thông tư số 24/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất

“2. Cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu UAE-VN của Việt Nam là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu UAE-VN đăng ký mẫu chữ ký, mẫu con dấu và cập nhật các mẫu này thực hiện theo hướng dẫn của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương). Danh mục cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu UAE-VN của Việt Nam được cập nhật qua Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương (Hệ thống eCoSys) tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn.”

Điều 21. Bãi bỏ khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 19, khoản 2 Điều 20, Điều 21, khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 22 Thông tư số 38/2025/TT-BCT.

Điều 22. Bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 06/2017/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2009/TT-BCT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương VII

LĨNH VỰC HÓA CHẤT

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 02/2026/TT-BCT quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 4 như sau:

“đ) Mẫu 03đ: Mẫu biên bản, báo cáo kết quả kiểm tra của Hội đồng thẩm định và mẫu phiếu nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT

a) Sửa đổi mục 4 Chương 1 phần B như sau:

“4. Bản kê khai tên hóa chất và nhóm hóa chất có cùng phân loại nguy hiểm là hóa chất nguyên liệu, hóa chất trung gian, hóa chất thành phẩm; khối lượng tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm của từng hóa chất và nhóm hóa chất.”.

b) Sửa đổi mục 3 Chương 1 phần C như sau:

“3. Bản kê khai tên hóa chất hoặc nhóm hóa chất có cùng phân loại nguy hiểm là hóa chất nguyên liệu, hóa chất trung gian, hóa chất thành phẩm; khối lượng tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm của từng hóa chất hoặc nhóm hóa chất.”.

3. Thay thế Mẫu 01c Phụ lục I, Mẫu 03a, Mẫu 03đ Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT tương ứng bằng các Mẫu 01, 02, 03 Phần III Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều khoản của Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 1 như sau:

“a) Phân cấp thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 và nhóm 2; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 và nhóm 2; tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế và cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm; tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Bộ Công Thương thẩm định;”

2. Bổ sung khoản 3 Điều 2 như sau:

“3. Tên thương mại được quy định trong biểu mẫu các thủ tục hành chính tại Thông tư này có cùng cấu trúc tên thương mại, cùng thành phần hỗn hợp và không thay đổi các thông tin về đặc tính lý, hóa được xác định là cùng một loại hóa chất.”

3. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 3 như sau:

“b) Tiếp nhận hồ sơ, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1, nhóm 2;”.

4. Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 3 như sau:

“c) Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế và cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.”.

5. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 3 như sau:

“1a. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt kho tồn trữ hóa chất có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Bộ Công Thương thẩm định;”

6. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 3 như sau:

“a) Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế đối với thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm trong lĩnh vực công nghiệp;”

7. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 3 như sau:

“b) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho tổ chức sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1, tổ chức sản xuất, kinh doanh đồng thời nhóm 1 và nhóm 2, tổ chức sản xuất, kinh doanh hỗn hợp hóa chất chứa đồng thời thành phần nhóm 1 và nhóm 2.”

8. Bãi bỏ các điểm c, điểm d khoản 2 Điều 3.

9. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 4 như sau:

“b) Trường hợp tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu trữ tại địa phương khác với địa phương nơi tổ chức đặt trụ sở chính

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất.

Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép cho tổ chức trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.”

10. Thay thế các Mẫu 06a, 06b, 06c Phụ lục VI; các Mẫu 10a, 10b, 10c Phụ lục X; các Mẫu 11a, 11b, 11c Phụ lục XI, Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT tương ứng bằng các Mẫu 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13 Phần III Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương VIII

LĨNH VỰC VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 Thông tư số 38/2025/TT-BCT

“Điều 8. Thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5 và loại 8 quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 161/2024/NĐ-CP quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ; điểm b, e, g khoản 4 Điều 44 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi các tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn địa phương có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đối với loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), loại 2, loại 3, loại 4, loại 9 theo quy định tại điểm b, điểm e khoản 4 Điều 44 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ”.

Điều 26. Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 15/2026/TT-BCT.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Điều khoản thi hành

- 1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 5 năm 2026 trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.
- 2. Quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
- 3. Quy định về thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các giấy phép trong lĩnh vực quá cảnh quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.
- 4. Quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.
- 5. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Thông tư này được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của Đảng và theo quy định tại khoản 11 Điều 68 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

- 1. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực được quy định tại Thông tư này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật đang có hiệu lực điều chỉnh trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận.
- 2. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện KSNDTC; Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Lãnh đạo Bộ; đơn vị thuộc Bộ;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Sở Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ; Website Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, VPB (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phan Thị Thắng

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT các mẫu, biểu mẫu	Tên biểu mẫu	Thay thế các biểu mẫu tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật
------------------------------	---------------------	---

I	Lĩnh vực: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	
01	Phụ lục III Mẫu số 03. Giấy đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Thay thế Mẫu số 03 Phụ lục III Thông tư số 23/2024/TT-BCT
02	Phụ lục III Mẫu số 08. Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ	Thay thế Mẫu số 08 Phụ lục III Thông tư số 23/2024/TT-BCT
03	Phụ lục III Mẫu số 09. Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ	Thay thế Mẫu số 09 Phụ lục III Thông tư số 23/2024/TT-BCT
04	Phụ lục V Mẫu số 01. Văn bản đăng ký mới, đăng ký bổ sung nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Thay thế Mẫu số 01 Phụ lục V Thông tư số 23/2024/TT-BCT
05	Phụ lục V Mẫu số 02. Nội dung thuyết minh dự án khoa học và công nghệ	Thay thế Mẫu số 02 Phụ lục V Thông tư số 23/2024/TT-BCT
06	Phụ lục V Mẫu số 03. Nội dung thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ	Thay thế Mẫu số 03 Phụ lục V Thông tư số 23/2024/TT-BCT
07	Phụ lục V Mẫu số 04. Nội dung thuyết minh đề án khoa học và công nghệ	Thay thế Mẫu số 04 Phụ lục V Thông tư số 23/2024/TT-BCT
II	Lĩnh vực: Xuất nhập khẩu	
01	Phụ lục I. Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa	Thay thế Phụ lục I Thông tư số 11/2015/TT-BCT
02	Phụ lục II. Mẫu giấy phép quá cảnh hàng hóa	Thay thế Phụ lục II Thông tư số 11/2015/TT-BCT
03	Phụ lục III. Mẫu giấy phép quá cảnh hàng hóa (dùng đối với vật liệu nổ công nghiệp)	Thay thế Phụ lục III Thông tư số 11/2015/TT-BCT
04	Phụ lục 2. Mẫu đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa	Thay thế Phụ lục 2 Thông tư số 22/2009/TT-BCT
05	Phụ lục 3. Mẫu đơn đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa	Thay thế Phụ lục 3 Thông tư số 22/2009/TT-BCT
06	Phụ lục 4. Mẫu đơn đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh	Thay thế Phụ lục 4 Thông tư số 22/2009/TT-BCT
07	Phụ lục 5. Mẫu giấy phép quá cảnh hàng hóa (dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)	Thay thế Phụ lục 5 Thông tư số 22/2009/TT-BCT
08	Phụ lục 6A. Mẫu văn bản trả lời đơn đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa (dùng trong trường hợp đồng ý gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa đã cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)	Thay thế Phụ lục 6A Thông tư số 22/2009/TT-BCT
09	Phụ lục 6B. Mẫu văn bản trả lời đơn đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa (dùng trong trường hợp không đồng ý gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa đã cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)	Thay thế Phụ lục 6B Thông tư số 22/2009/TT-BCT
10	Phụ lục I. Mẫu đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa (dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản	Thay thế Phụ lục I Thông tư số 24/2024/TT-BCT

	1, khoản 3, khoản 4 Điều 3 của Thông tư số 27/2014/TT-BCT)	
11	Phụ lục II. Mẫu giấy phép quá cảnh hàng hóa (dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 3 của Thông tư số 27/2014/TT-BCT)	Thay thế Phụ lục II Thông tư số 24/2024/TT-BCT
12	Phụ lục III. Mẫu đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa	Thay thế Phụ lục III Thông tư số 24/2024/TT-BCT
13	Phụ lục IV. Mẫu giấy phép quá cảnh hàng hóa (dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 27/2014/TT-BCT)	Thay thế Phụ lục IV Thông tư số 24/2024/TT-BCT
14	Phụ lục V. Mẫu đơn đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh	Thay thế Phụ lục V Thông tư số 24/2024/TT-BCT
15	Phụ lục X. Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép sản xuất, gia công xuất khẩu quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài	Thay thế cho Phụ lục X Thông tư số 12/2018/TT-BCT
16	Phụ lục XI. Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu hàng mẫu quân phục	Thay thế cho Phụ lục XI Thông tư số 12/2018/TT-BCT
17	Phụ lục I. Danh sách các mẫu C/O do Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cấp	Thay thế Phụ lục I kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT
18	Phụ lục II. Danh sách các mẫu C/O do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp	Thay thế Phụ lục II kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT
III	Lĩnh vực: Hóa chất	
01	Phụ lục I Mẫu 01c. Mẫu giấy xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành	Thay thế Mẫu 01c Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT
02	Phụ lục III Mẫu 03a. Mẫu văn bản đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	Thay thế Mẫu 03a Phụ lục III kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT
03	Phụ lục III Mẫu 03đ. Mẫu biên bản, báo cáo kết quả kiểm tra của Hội đồng thẩm định và mẫu phiếu nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định	Thay thế Mẫu 03đ Phụ lục III kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT
04	Phụ lục VI Mẫu 06a. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt	Thay thế Mẫu 06a Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
05	Phụ lục VI Mẫu 06b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt	Thay thế Mẫu 06b Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
06	Phụ lục VI Mẫu 06c. Mẫu Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt	Thay thế Mẫu 06c Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
07	Phụ lục X Mẫu 10a. Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	Thay thế Mẫu 10a Phụ lục X kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
08	Phụ lục X Mẫu 10b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	Thay thế Mẫu 10b Phụ lục X kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT

09	Phụ lục X Mẫu 10c. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	Thay thế Mẫu 10c Phụ lục X kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
10	Phụ lục XI Mẫu 11a. Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất	Thay thế Mẫu 11a Phụ lục XI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
11	Phụ lục XI Mẫu 11b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất	Thay thế Mẫu 11b Phụ lục XI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
12	Phụ lục XI Mẫu 11c. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất	Thay thế Mẫu 11c Phụ lục XI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
13	Phụ lục IX. Mẫu phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt	Thay thế Phụ lục IX kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
IV	Lĩnh vực: Sản xuất, kinh doanh thuốc lá	
01	Phụ lục 8. Báo cáo tình hình bán hàng theo đối tượng khách hàng	Thay thế Phụ lục số 08 Thông tư 43/2023/TT-BCT, Mẫu số 19 Phần II Phụ lục I Thông tư số 38/2025/TT-BCT
02	Phụ lục 9. Báo cáo tình hình bán hàng theo nhãn hiệu sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục số 09 Thông tư 43/2023/TT-BCT, Mẫu số 20 Phần II Phụ lục I Thông tư số 38/2025/TT-BCT
03	Phụ lục 55. Báo cáo tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá trên địa bàn	Thay thế Phụ lục số 55 Thông tư số 57/2018/TT-BCT.
04	Phụ lục 62. Báo cáo tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá	Thay thế Phụ lục số 62 Thông tư số 57/2018/TT-BCT.
05	Phụ lục 64. Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh chế biến nguyên liệu thuốc lá	Thay thế Phụ lục số 64 Thông tư số 57/2018/TT-BCT.
06	Phụ lục 65. Báo cáo tình hình sản xuất xuất khẩu và gia công xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá	Thay thế Phụ lục số 65 Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

I. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

Mẫu số 01

PHỤ LỤC III

Mẫu số 03. Giấy đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

(Thay thế Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... (2), ngày ... tháng ... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên doanh nghiệp:

Nơi đặt trụ sở chính (*Thôn (tổ), xã (phường), tỉnh (thành phố)*):

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... hoặc Quyết định thành lập số ... ngày ... tháng ... năm ... của...

Họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật:

.....

Số giấy phép kinh doanh (*áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ*):

Lý do đề nghị cấp:

TT	Tên ... ⁽⁵⁾ ...	Đơn vị tính	Nước sản xuất	Số lượng	Số lượng
1					
2					
...					

Cửa khẩu; phương tiện, thời gian vận chuyển:

Họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ (nếu có):

Đề nghị⁽⁵⁾..... xem xét và cấp giấy phép⁽³⁾..... cho doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

.....⁽⁶⁾.....
(*Chữ ký, dấu*)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

(1) Tên doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

(2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đóng trụ sở chính.

- (3) Loại hình cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (giấy phép xuất khẩu vật liệu nổ công nghiệp; giấy phép nhập khẩu tiền chất thuốc nổ;...).
- (4) Cơ quan cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.
- (5) Tên vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.
- (6) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu số 02

PHỤ LỤC III

Mẫu số 08. Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ

(Thay thế Mẫu số 08 Phụ lục III kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....(2).....

... (3), ngày ... tháng ... năm 20.....

GIẤY PHÉP KINH DOANH(4).....

.....(5).....

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của(6).....;

Theo đề nghị của(7).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(6).....;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số: do(8)..... cấp ngày ... tháng ... năm;

Trụ sở tại:(9).....;

Điện thoại:; Fax:

Được kinh doanh⁽⁴⁾
.....⁽¹⁰⁾

Điều 2. Điều kiện kinh doanh

1.⁽¹¹⁾
2. Các điều kiện khác (phạm vi, các hạn chế về kinh doanh...).

Điều 3.⁽⁶⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; ...⁽¹²⁾ ... và những quy định pháp luật liên quan./.

Nơi nhận:

-⁽⁶⁾
-⁽¹⁴⁾
- Lưu:⁽¹⁵⁾

.....⁽¹³⁾
(Chữ ký, dấu)

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan cấp giấy phép.
- (2) Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy phép.
- (3) Tên tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ đóng trụ sở chính.
- (4) Tên hàng hóa được phép kinh doanh (Ví dụ: vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ).
- (5) Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép.
- (6) Tên doanh nghiệp được cấp giấy phép.
- (7) Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.
- (8) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).
- (9) Địa chỉ được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).
- (10) Địa chỉ kho chứa tiền chất thuốc nổ (ghi rõ địa chỉ), kho của bên mua/bên bán (ghi rõ tên công ty) (sử dụng đối với giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ).
- (11) Chung loại, tên hàng hóa được kinh doanh (Ví dụ: vật liệu nổ công nghiệp; Amoni Nitrat).

- (12) Tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT).
- (13) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.
- (14) Tên các tổ chức có liên quan.
- (15) Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.
- * Kích thước của Giấy phép: A4 (210mm x 297mm).

Mẫu số 03

PHỤ LỤC III

Mẫu số 09. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ

(Thay thế Mẫu số 09 Phụ lục III kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT)

.....(1)..... -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
Số: /GP-...(2)	...(3), ngày ... tháng ... năm 20.....
GIẤY PHÉP(4).....(5).....	
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;	
Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;	
Xét đề nghị của(6).....;	
Theo đề nghị của(7).....;	
QUYẾT ĐỊNH:	
Điều 1. Cho phép(6).....;	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số: do(8)..... cấp ngày ... tháng ... năm hoặc Quyết định thành lập số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...;	
Trụ sở tại:(9).....;	

Điện thoại:; Fax:;

Được⁽⁴⁾.....

Điều 2. Điều kiện⁽⁴⁾.....

- 1. Chung loại, số lượng, nước sản xuất⁽¹⁰⁾..... (phụ lục kèm theo);
- 2. Tên cửa khẩu⁽⁴⁾.....;
- 3. Phương tiện vận chuyển:;
- 4. Thời gian: từ ngày đến ngày ... tháng ... năm 20...

Điều 3.⁽⁶⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; ...⁽¹¹⁾... và những quy định pháp luật liên quan./.

Nơi nhận:

-⁽⁶⁾.....;
-⁽¹³⁾.....;
- Lưu:⁽¹⁴⁾.....;

.....⁽¹²⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan cấp giấy phép.
- (2) Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy phép.
- (3) Tên tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ đóng trụ sở chính.
- (4) Tên loại hình hoạt động (Ví dụ: Xuất khẩu vật liệu nổ công nghiệp; nhập khẩu tiền chất thuốc nổ...).
- (5) Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép.
- (6) Tên tổ chức/doanh nghiệp được cấp giấy phép.
- (7) Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.
- (8) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).
- (9) Địa chỉ được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) hoặc quyết định thành lập.

(10) Loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Ví dụ: kíp nổ điện số 8, Amoni Nitrat).

(11) Tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT)).

(12) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

(13) Tên các tổ chức có liên quan;

(14) Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.

* Kích thước của Giấy phép: A4 (210mm x 297mm).

Mẫu số 04

PHỤ LỤC V

Mẫu số 01. Văn bản đăng ký mới, đăng ký bổ sung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

(Thay thế Mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT)

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

...(2), ngày ... tháng ... năm 20.....

V/v(3) ... nhiệm vụ khoa học và
công nghệ để nghiên cứu, phát triển,
thử nghiệm, đánh giá sản phẩm vật liệu
nổ

Kính gửi:(4)

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp:(1)

2. Địa chỉ liên lạc (*Thôn (tổ), xã (phường), tỉnh (thành phố)*):

Điện thoại: Email:

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số Cơ quan cấp: cấp ngày tại

4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương,(1).... đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm vật liệu nổ với nội dung, hồ sơ như sau:

a) Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- b) Lý do đề xuất (Nêu rõ tính cấp thiết, vấn đề thực tiễn cần giải quyết và sự phù hợp của vấn đề cần giải quyết với mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến: làm rõ triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp):
- c) Mục tiêu (Nêu cả mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể):
- d) Yêu cầu về sản phẩm (Mô tả dự kiến sản phẩm có thể đạt được, dự kiến các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm; Ảnh hưởng của kết quả dự kiến đạt được đến nghiên cứu/sản xuất, đối tượng hưởng lợi từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Mô tả phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng tiếp theo):
- đ) Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để đạt kết quả (Liệt kê các nội dung chính sẽ thực hiện nhằm đạt được mục tiêu đề ra):
- e) Dự kiến thời gian thực hiện (số tháng, bắt đầu từ...):
- g) Khả năng và địa chỉ áp dụng (Nêu rõ khả năng, hiệu quả, tác động của việc áp dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào thực tế, dự báo nhu cầu (địa điểm, quy mô, thời gian, đối tượng...)):

(Có Thuyết minh nhiệm vụ kèm theo)

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét phê duyệt nhiệm vụ đề ... ⁽¹⁾ ... triển khai thực hiện theo quy định.

... ⁽¹⁾ ... cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, các quy định khác có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nói trên./

Nơi nhận:

- Như trên;
-

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức/doanh nghiệp đăng ký nhiệm vụ.
- (2) Địa danh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức/doanh nghiệp.
- (3) Nội dung đăng ký (Đăng ký mới hoặc đăng ký bổ sung).
- (4) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức/doanh nghiệp đăng ký nhiệm vụ có trụ sở chính.

Mẫu số 05

PHỤ LỤC V

Mẫu số 02. Nội dung thuyết minh dự án khoa học và công nghệ

(Thay thế Mẫu số 02 Phụ lục V kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Mã số:
2. Thời gian thực hiện
3. Chủ nhiệm dự án (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác*):
.....
4. Thư ký dự án (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác*):
.....
5. Tổ chức chủ trì thực hiện dự án (*Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật*):
.....
6. Tổ chức tham gia chính (*Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu người đại diện theo pháp luật*):
.....
7. Người tham gia thực hiện dự án (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu, tổ chức công tác, nội dung công việc tham gia, thời gian làm việc cho dự án*):
.....
8. Xuất xứ dự án (*Ghi rõ xuất xứ của dự án (từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị; từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ; kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài; sản phẩm khoa học và công nghệ khác)*):
.....
9. Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án (*Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án; lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án; tác động của kết quả dự án đến kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; năng lực thực hiện dự án; khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án (Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất, nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất, kinh doanh*):
.....

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

1. Mục tiêu (*Ghi rõ mục tiêu của dự án sản xuất hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra; mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm*):
.....
2. Nội dung (*Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án; phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ; liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm*).
.....
3. Phương án triển khai (*Phương thức tổ chức thực hiện; mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án; Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án*).
.....

4. Sản phẩm của Dự án:

5. Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc:

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....

Mẫu số 06

PHỤ LỤC V

Mẫu số 03. Nội dung thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ

(Thay thế Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1. Tên đề tài: Mã số:
2. Thời gian thực hiện
3. Chủ nhiệm đề tài (Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác):
.....
4. Thư ký đề tài (Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác):
.....
5. Tổ chức chủ trì thực hiện đề tài (Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật):
6. Tổ chức tham gia chính (Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật):
7. Người tham gia thực hiện đề tài (Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu, tổ chức công tác, nội dung công việc tham gia, thời gian làm việc cho dự án):

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

1. Mục tiêu của đề tài:
2. Tình trạng đề tài:
3. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài:
.....
4. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:

.....

Mẫu số 07

.....

.....

29/90

7. Người tham gia thực hiện đề án (Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu, tổ chức công tác, nội dung công việc tham gia, thời gian làm việc cho dự án):

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu của đề án:
2. Tình trạng đề án:
3. **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề án**
4. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề án đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:
5. Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề án và phương án thực hiện:
6. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:
7. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước:
8. Tiến độ thực hiện (Ghi rõ tiến độ, người thực hiện của các nội dung, công việc).

II. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

Mẫu số 01

PHỤ LỤC I

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

(Thay thế Phụ lục I kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BCT)

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

I. Chủ hàng: (ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, e-mail)

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa theo các nội dung sau đây:

1. Hàng hóa quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1							

2							
---	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------

2. Cửa khẩu nhập hàng:
3. Cửa khẩu xuất hàng:
4. Tuyến đường vận chuyển:
5. Phương tiện vận chuyển: *(Trường hợp hàng hóa quá cảnh là phương tiện vận chuyển được phép tự hành thì mục này ghi “phương tiện tự hành”)*
6. Thời gian dự kiến quá cảnh:
(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

II. Người chuyên chở: *(ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại và số fax, e-mail của doanh nghiệp vận chuyển Việt Nam ký Hợp đồng vận chuyển hàng hóa quá cảnh với chủ hàng).*

III. Địa chỉ nhận giấy phép (của chủ hàng):

.....

Kèm theo Đơn này là Hợp đồng vận chuyển hàng hóa quá cảnh *(ký giữa chủ hàng với doanh nghiệp vận chuyển Việt Nam)*.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân, chủ hàng
(ký tên và đóng dấu)

*** Lưu ý:** *Nếu văn bản có từ 02 tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.*

Mẫu số 02

PHỤ LỤC II
MẪU GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

(Thay thế Phụ lục II kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BCT)

[Cơ quan cấp phép]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v cho phép quá cảnh hàng hóa

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Kính gửi:(Chủ hàng hóa quá cảnh Trung Quốc)

- Căn cứ Thông tư số 11/2015/TT-BCT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa của (ghi rõ tên, địa chỉ chủ hàng quá cảnh Trung Quốc)....,

[Cơ quan cấp phép] cho phép (chủ hàng quá cảnh Trung Quốc) quá cảnh hàng hóa theo các quy định sau đây:

1. Hàng hóa quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1							
2							

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

4. Tuyến đường vận chuyển:

5. Phương tiện vận chuyển: (Trường hợp hàng hóa quá cảnh là phương tiện vận chuyển được phép tự hành thì mục này ghi “phương tiện tự hành”)

6. Người chuyên chở: Công ty ... (ghi rõ tên, địa chỉ của doanh nghiệp vận chuyển Việt Nam) đảm nhận việc vận chuyển lô hàng quá cảnh.

Văn bản này có hiệu lực thực hiện đến hết ngày ... tháng ... năm 20 ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan, tổ chức)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương;
- Lưu: VT.

*** Lưu ý:** Mẫu này dùng cho trường hợp cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Thông tư (trừ vật liệu nổ công nghiệp)

Mẫu số 03

PHỤ LỤC III

MẪU GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

(Thay thế Phụ lục III kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BCT)

[Cơ quan cấp phép]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v cho phép quá cảnh hàng hóa

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Kính gửi: (Chủ hàng hóa quá cảnh Trung Quốc)

- Căn cứ Thông tư số 11/2015/TT-BCT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa của (ghi rõ tên, địa chỉ chủ hàng quá cảnh Trung Quốc)....,

[Cơ quan cấp phép] cho phép (chủ hàng quá cảnh Trung Quốc) quá cảnh hàng hóa theo các quy định sau đây:

1. Hàng hóa quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1							
2							

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

4. Tuyến đường vận chuyển:

5. Phương tiện vận chuyển:

6. Người chuyên chở: Công ty ... (ghi rõ tên, địa chỉ của doanh nghiệp vận chuyển Việt Nam) đảm nhận việc vận chuyển lô hàng quá cảnh.

Văn bản này có hiệu lực thực hiện đến hết ngày ... tháng ... năm 20 ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương;
- Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan, tổ chức)

*** Lưu ý:** Mẫu này dùng cho trường hợp cấp giấy phép quá cảnh vật liệu nổ công nghiệp.

Phụ lục 2

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

(Mẫu này dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

(Thay thế Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

I. Chủ hàng: (ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax)

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa theo các nội dung sau đây:

1. Hàng hóa quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1							
2							

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

4. Tuyến đường vận chuyển:

5. Phương tiện vận chuyển:

II. Người chuyên chở: (Nếu chủ hàng tự vận chuyển thì ghi "tự vận chuyển". Nếu ký hợp đồng vận chuyển với thương nhân Việt Nam hoặc thương nhân Lào thì ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại, fax của thương nhân vận chuyển)

III. Địa chỉ nhận giấy phép (của chủ hàng hoặc người chuyên chở):

.....

Kèm theo Đơn này là văn bản đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa của Bộ trưởng Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Chủ hàng ký tên và đóng dấu

(Người ký là người đứng đầu thương nhân, ghi rõ chức danh)

* Lưu ý: Nếu văn bản có từ 02 tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

Phụ lục 3**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA**

(Mẫu này dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

(Thay thế Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

1. Chủ hàng *(ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax):*

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] gia hạn Giấy phép quá cảnh hàng hóa số do [Cơ quan cấp phép] cấp ngày tháng năm 20....

2. Lý do đề nghị gia hạn:

.....
.....

3. Thời gian dự kiến xin gia hạn: *(Đến ngày tháng năm 20.....)*

4. Địa chỉ nhận văn bản trả lời (của chủ hàng hoặc người chuyên chở):

.....
.....
.....

Kèm theo Đơn này là bản sao Giấy phép quá cảnh hàng hóa số do [Cơ quan cấp phép] cấp ngày ... tháng ... năm 20... và văn bản đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa của Bộ trưởng Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (bản chính).

Chủ hàng ký tên và đóng dấu

(Người ký là người đứng đầu thương nhân, ghi rõ chức danh)

* **Lưu ý:** Nếu văn bản có từ 02 tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

Phụ lục 4**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP TIÊU THỤ HÀNG HÓA QUÁ CẢNH**

(Thay thế Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP TIÊU THỤ HÀNG HÓA QUÁ CẢNH

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

Chủ hàng: (ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax)

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] cho phép tiêu thụ hàng quá cảnh theo các nội dung sau đây:

- 1. Tờ khai hải quan số ngày tháng năm 20...
- 2. Miêu tả chi tiết:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1							
2							

- 3. Lý do đề nghị cho phép tiêu thụ tại Việt Nam:

.....
.....

- 4. Thời gian tiêu thụ (dự kiến):

(Từ ngày tháng ... năm 20 ... đến ngày ... tháng ... năm 20...)

- 5. Địa chỉ nhận văn bản trả lời (của chủ hàng hoặc người chuyên chở)

.....
.....
.....

Kèm theo Đơn này là tài liệu chứng minh trường hợp bất khả kháng đối với hàng quá cảnh đề nghị cho phép tiêu thụ tại Việt Nam.

Chủ hàng ký tên và đóng dấu
(Người ký là người đứng đầu thương nhân, ghi rõ chức danh)

*** Lưu ý:** Nếu văn bản có từ 02 tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

MẪU GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

(Mẫu này dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

(Thay thế Phụ lục 5 kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

[Cơ quan cấp phép]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v cho phép quá cảnh hàng hóa

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Kính gửi: (Chủ hàng quá cảnh Lào)

- Căn cứ Thông tư số 22/2009/TT-BCT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Xét Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa của (ghi rõ tên, địa chỉ chủ hàng quá cảnh Lào) Và văn bản đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ngày ... tháng ... năm;
- [Cơ quan cấp phép] cho phép (chủ hàng quá cảnh Lào) quá cảnh hàng hóa theo các quy định sau đây:

1. Hàng quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1							
2							

2. Cửa khẩu nhập hàng:
3. Cửa khẩu xuất hàng:
4. Phương tiện vận chuyển:
5. Văn bản này có hiệu lực đến ngày ... tháng ... năm 20...

- Nơi nhận:
- Như trên;
 - Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
 - Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương;
 - Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan, tổ chức)

Phụ lục 6A**MẪU VĂN BẢN TRẢ LỜI ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA**

(Mẫu này dùng trong trường hợp đồng ý gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa đã cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)
(Thay thế Phụ lục 6A kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

[Cơ quan cấp phép]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

V/v gia hạn giấy phép quá cảnh hàng
hóa

Kính gửi: (Chủ hàng quá cảnh Lào)

- Căn cứ Thông tư số 22/2009/TT-BCT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Xét Đơn đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa của (ghi rõ tên, địa chỉ chủ hàng quá cảnh Lào) và văn bản đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ngày ... tháng ... năm;

[Cơ quan cấp phép] đồng ý gia hạn Giấy phép quá cảnh hàng hóa số: do [Cơ quan cấp phép] cấp ngày ... tháng ... năm 20.... cho (chủ hàng quá cảnh Lào).

Thời gian gia hạn: Đến hết ngày tháng năm 20 ...

Hết thời hạn trên, giấy phép đã cấp không còn hiệu lực.

[Cơ quan cấp phép] thông báo để (Chủ hàng quá cảnh Lào) biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương;
- Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan, tổ chức)*

Mẫu số 9**Phụ lục 6B****MẪU VĂN BẢN TRẢ LỜI ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA**

(Mẫu này dùng trong trường hợp không đồng ý gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa đã cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

(Thay thế Phụ lục 6B kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

[Cơ quan cấp phép]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v gia hạn giấy phép quá cảnh hàng
hóa

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Kính gửi: (Chủ hàng quá cảnh Lào)

- Căn cứ Thông tư số 22/2009/TT-BCT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Xét Đơn đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa của (ghi rõ tên, địa chỉ chủ hàng quá cảnh Lào) và văn bản đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ngày ... tháng ... năm;

[Cơ quan cấp phép] không đồng ý gia hạn Giấy phép quá cảnh hàng hóa số: do [Cơ quan cấp phép] cấp ngày ... tháng ... năm 20.... cho (chủ hàng quá cảnh Lào).

Lý do không đồng ý gia hạn

[Cơ quan cấp phép] thông báo để (Chủ hàng quá cảnh Lào) biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương;
- Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan, tổ chức)

Mẫu số 10

PHỤ LỤC I

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

(Thay thế Phụ lục I kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BCT)

TÊN CHỦ HÀNG
Số, ký hiệu của văn bản

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

- Thực hiện Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ngày 26 tháng 12 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

I. Chủ hàng: (ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, e-mail)

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa theo các nội dung sau đây:

1. Hàng hóa quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1							
2							

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

3. Tuyến đường vận chuyển:

4. Phương tiện vận chuyển:

5. Thời gian dự kiến quá cảnh:

(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

II. Người chuyên chở: (Nếu chủ hàng tự vận chuyển thì ghi "tự vận chuyển". Nếu ký hợp đồng vận chuyển với doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ 3 thì ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại và số fax, e-mail của doanh nghiệp vận chuyển).

III. Địa chỉ nhận giấy phép (của chủ hàng):

Kèm theo Đơn này là Hợp đồng vận chuyển hàng hóa quá cảnh (trong trường hợp chủ hàng ký hợp đồng vận chuyển với doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ 3 được nêu ở mục II Phụ lục này).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người đại diện theo pháp luật,
dấu của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

* Lưu ý:

- Mẫu này dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 3 của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
- Nếu văn bản có từ 02 tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

Mẫu số 11

PHỤ LỤC II

MẪU GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

(Thay thế Phụ lục II kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BCT)

[Cơ quan cấp phép]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v cho phép quá cảnh hàng hóa

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20....

Kính gửi:(chủ hàng hóa quá cảnh Campuchia)

- Thực hiện Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ngày 26 tháng 12 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư 24/2024/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Xét Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa của *(ghi rõ tên, địa chỉ chủ hàng quá cảnh Campuchia)* và văn bản đề nghị của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia ngày ... tháng ... năm

[Cơ quan cấp phép] cho phép (chủ hàng quá cảnh Campuchia) quá cảnh hàng hóa theo các quy định sau đây:

1. Hàng quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1							
2							

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

4. Phương tiện vận chuyển:

5. Người chuyên chở: (Nếu chủ hàng tự vận chuyển thì ghi "tự vận chuyển". Nếu ký hợp đồng vận chuyển với doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ 3 thì ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại và số fax, e-mail của doanh nghiệp vận chuyển).
6. Văn bản này có hiệu lực đến ngày ... tháng ... năm 20 ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương;
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

* **Lưu ý:** Mẫu này dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 3 của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Mẫu số 12

PHỤ LỤC III

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

(Thay thế Phụ lục III kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BCT)

TÊN CHỦ HÀNG

Số, ký hiệu của văn bản

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

- Thực hiện Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ngày 26 tháng 12 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

I. Chủ hàng: (ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, e-mail)

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa theo các nội dung sau đây:

1. Hàng hóa quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1							
2							

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

4. Tuyến đường vận chuyển:

5. Phương tiện vận chuyển:

6. Thời gian dự kiến quá cảnh:

II. Người chuyên chở: *(Nếu chủ hàng tự vận chuyển thì ghi "tự vận chuyển". Nếu ký hợp đồng vận chuyển với doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ 3 thì ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại và số fax, e-mail của doanh nghiệp vận chuyển).*

III. Địa chỉ nhận giấy phép (của chủ hàng):

Kèm theo Đơn này là Hợp đồng vận chuyển hàng hóa quá cảnh *(trong trường hợp chủ hàng ký hợp đồng vận chuyển với doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ 3 được nêu ở mục II Phụ lục này).*

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

*** Lưu ý:**

- Mẫu này dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
- Nếu văn bản có từ 02 tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

Mẫu số 13

PHỤ LỤC IV

MẪU GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

(Thay thế Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BCT)

[Cơ quan cấp phép]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....-.....
V/v cho phép quá cảnh hàng hóa

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Kính gửi:(Chủ hàng hóa quá cảnh Campuchia)

- Thực hiện Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ngày 26 tháng 12 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Xét Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa của (ghi rõ tên, địa chỉ chủ hàng quá cảnh Campuchia)

[Cơ quan cấp phép] cho phép (chủ hàng quá cảnh Campuchia) quá cảnh hàng hóa theo các quy định sau đây:

1. Hàng hóa quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1							
2							

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

4. Phương tiện vận chuyển:

5. Người chuyên chở: (Nếu chủ hàng tự vận chuyển thì ghi "tự vận chuyển". Nếu ký hợp đồng vận chuyển với doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ 3 thì ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại và số fax, e-mail của doanh nghiệp vận chuyển).

6. Văn bản này có hiệu lực đến ngày ... tháng .. năm 20 ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương;
- Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

* Lưu ý: Mẫu này dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

PHỤ LỤC V

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP TIÊU THỤ HÀNG HÓA QUÁ CẢNH

(Thay thế Phụ lục V kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BCT)

TÊN CHỦ HÀNG
Số, ký hiệu của văn bản

....., ngày ... tháng ... năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP TIÊU THỤ HÀNG HÓA QUÁ CẢNH

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

- Thực hiện Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ngày 26 tháng 12 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

I. Chủ hàng: (ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax)

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh theo các nội dung sau đây:

1. Giấy phép quá cảnh hàng hóa số do [Cơ quan cấp phép] cấp ngày ... tháng ... năm 20... (nếu là hàng quá cảnh theo giấy phép).
2. Tờ khai hải quan số ngày ... tháng ... năm 20...
3. Mô tả chi tiết:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1							
2							

4. Lý do đề nghị cho phép tiêu thụ tại Việt Nam: (nêu rõ lý do cụ thể và nội dung chứng minh trường hợp bất khả kháng)
5. Thời gian tiêu thụ (dự kiến):
(Từ ngày... tháng... năm 20... đến ngày... tháng... năm 20...)
6. Địa chỉ nhận văn bản trả lời (của chủ hàng):

Kèm theo Đơn này là bản sao Giấy phép quá cảnh hàng hóa (nếu là hàng hóa quá cảnh theo giấy phép) và tài liệu chứng minh trường hợp bất khả kháng đối với hàng hóa quá cảnh đề nghị cho phép tiêu thụ tại Việt Nam.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người đại diện theo pháp luật,
dấu của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

*** Lưu ý:**

- Nếu văn bản có từ 02 tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

Mẫu số 15

Phụ lục X

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT, GIA CÔNG XUẤT KHẨU QUÂN PHỤC CHO
CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NƯỚC NGOÀI**

(Thay thế Phụ lục X kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép sản xuất, gia công xuất khẩu quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

Tên thương nhân:

Trụ sở giao dịch: ... Điện thoại: ... Fax: ...

Người liên hệ: ... Chức danh ... Điện thoại: ...

Địa điểm sản xuất:

Số xưởng sản xuất: ... Số chuyên sản xuất: ...

Số lượng lao động:

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] xem xét cấp Giấy phép sản xuất, gia công xuất khẩu hàng quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài thực hiện Đơn đặt hàng số ... ngày ... tháng ... năm ... / Văn bản giao kết hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... cụ thể như sau:.

- Người nhập khẩu: ... có địa chỉ tại: ...
- Nước đặt hàng:
- Nước nhập khẩu:
- Đơn vị sử dụng cuối cùng hàng quân phục:
- Tên hàng:
- Số lượng:
- Trị giá:
- Cảng đến:
- Mẫu nhập khẩu:

(Thương nhân) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018, các quy định hiện hành có liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu số 16

Phụ lục XI

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU HÀNG MẪU QUÂN PHỤC

(Thay thế Phụ lục XI kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép nhập khẩu mẫu quân phục để nghiên cứu, sản xuất gia công xuất khẩu

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

Tên thương nhân:

Trụ sở giao dịch: ... Điện thoại: ... Fax: ...

Người liên hệ: ... Chức danh: ... Điện thoại: ...

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] xem xét cho phép nhập khẩu hàng mẫu quân phục để nghiên cứu sản xuất, gia công xuất khẩu sử dụng cho lực lượng vũ trang nước ngoài, cụ thể như sau:

- Người xuất khẩu: ... có địa chỉ tại: ...
- Nước đặt hàng:
- Đơn vị sử dụng cuối cùng hàng quân phục:
- Tên hàng:
- Số lượng:
- Trị giá:

(Thương nhân) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 17

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH CÁC MẪU C/O
DO CỤC XUẤT NHẬP KHẨU (BỘ CÔNG THƯƠNG) CẤP
(Thay thế Phụ lục I kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT)

STT	Tên mẫu C/O	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
1	C/O mẫu D	Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN
2	C/O mẫu AI	Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ
3	C/O mẫu AK	Thông tư số 49/2025/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại hàng hóa thuộc Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện giữa Chính phủ các Nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Chính phủ Đại Hàn Dân Quốc
4	C/O mẫu AJ	Thông tư số 37/2022/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản

5	C/O mẫu AANZ	Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu-di-lân Thông tư số 44/2025/TT-BCT ngày 07 tháng 7 năm 2025 quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu Di-lân
6	C/O mẫu RCEP	Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực
7	C/O mẫu EUR.1	Thông tư số 14/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu
8	C/O mẫu EUR.1 UK	Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
9	C/O mẫu CPTPP	Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
10	C/O mẫu EAV	Thông tư số 21/2016/TT-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á-Âu
11	C/O mẫu VK	Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc
12	C/O mẫu VJ	Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế

Mẫu số 18

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH CÁC MẪU C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN DO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH CẤP

(Thay thế Phụ lục II kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT)

STT	Tên mẫu C/O và Văn bản chấp thuận	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
1	C/O mẫu D và Văn bản chấp thuận	Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN
2	C/O mẫu E	Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

3	C/O mẫu AI	Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ
4	C/O mẫu AK	Thông tư số 49/2025/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại hàng hóa thuộc Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện giữa Chính phủ các nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Chính phủ Đại Hàn Dân Quốc
5	C/O mẫu AJ	Thông tư số 37/2022/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản
6	C/O mẫu AANZ	Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu di lân Thông tư số 44/2025/TT-BCT ngày 07 tháng 7 năm 2025 quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu Di-lân
7	C/O mẫu AHK	Thông tư số 21/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc
8	C/O mẫu RCEP	Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực
9	C/O mẫu EUR.1	Thông tư số 14/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu
10	C/O mẫu EUR.1 UK	Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
11	C/O mẫu CPTPP	Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương
12	C/O mẫu EAV	Thông tư số 21/2016/TT-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á-Âu
13	C/O mẫu VN-CU	Thông tư số 08/2020/TT-BCT ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba
14	C/O mẫu VC	Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê
15	C/O mẫu VK	Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc

16	C/O mẫu VJ	Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế
17	C/O mẫu VI	Thông tư số 11/2024/TT-BCT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en
18	C/O mẫu X	Thông tư số 17/2011/TT-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia áp dụng cho những mặt hàng có xuất xứ từ một bên ký kết được hưởng ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu trực tiếp vào lãnh thổ của bên ký kết kia
19	C/O mẫu S	Thông tư số 04/2010/TT-BCT ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về Quy tắc xuất xứ áp dụng cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt Nam - Lào
20	C/O mẫu B, A, ICO, Thổ Nhĩ Kỳ, GSTP, BR9, DA59, Peru, Venezuela, CNM và mẫu số REX	Thông tư số 23/2025/TT-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa và Thông tư số 38/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ
21	C/O mẫu UAE-VN	Thông tư số 24/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất

III. LĨNH VỰC HÓA CHẤT

Mẫu số 01

Phụ lục I

Mẫu 01c. Mẫu giấy xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành

(Thay thế Mẫu 01c Phụ lục I kèm theo Thông tư 02/2026/TT-BCT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THAM GIA NHIỆM VỤ ĐÃ HOÀN THÀNH

Kính gửi ⁽¹⁾ :

1. Họ và tên:..... Nam/Nữ:.....
2. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
3. Quốc tịch:.....
4. Số CC/CCCD/hộ chiếu:....., cấp ngày..... tháng..... năm.....
5. Nơi thường trú:.....
6. Nơi ở hiện nay:.....
7. Số điện thoại:.....
- Email:.....

Kính đề nghị.....(1).....xác nhận các nội dung sau:

Tôi đã tham gia cùng với

Tên cơ quan/đơn vị:(2).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Để thực hiện công việc:

Tên công việc.....(3).....

Tại dự án/cơ sở hoạt động hóa chất(4).....

Tên chủ đầu tư dự án/chủ cơ sở hoạt động hóa chất:(5).....

Mã số thuế:.. ..

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Thời gian thực hiện từ ngày:đến ngày.....

Theo Hợp đồng/Quyết định giao nhiệm vụ.....(6).....

Đã được chủ đầu tư nghiệm thu/xác nhận hoàn thành theo văn bản...

.....(6).....

Cụ thể nhiệm vụ được đảm nhận:.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là chính xác, nếu có gì sai trái tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

Kính trình.....(1)..... xem xét và xác nhận./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

Xác nhận các thông tin tham gia công việc Ông (Bà):
..... nêu trên là chính xác.

.....(1)... chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội
dung xác nhận.

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư dự án, cơ sở hoạt động hóa chất;
- (2) Tên cơ quan/đơn vị cá nhân tham gia để thực hiện công việc;
- (3) Nêu cụ thể: công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất (kèm theo cấp công trình của dự án); hoặc làm người huấn luyện hoặc tham gia hỗ trợ huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất; xây dựng chương trình diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh hoặc của cơ sở hóa chất; xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh hoặc của cơ sở hóa chất;
- (4) Tên Dự án hoặc cơ sở hoạt động hóa chất nơi thực hiện công việc;
- (5) Tên chủ đầu tư dự án, chủ cơ sở hoạt động hóa chất nơi thực hiện công việc;
- (6) Số, ký hiệu, ngày tháng của các văn bản và gửi kèm theo Giấy xác nhận này bản sao của các văn bản.

Mẫu số 02

PHỤ LỤC III

Mẫu 03a. Mẫu văn bản đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

(Thay thế Mẫu 03a Phụ lục III kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

⁽³⁾, ngày ... tháng ... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Kính gửi: ⁽⁴⁾

Tên tổ chức/cá nhân:.....(1)

Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:

Dự án/Cơ sở hoạt động hóa chất:.....(5)

Địa điểm thực hiện:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số..... do cấp ngày.... tháng.... năm....

Đề nghị (4) thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.....(6)

..... (1) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất. Nếu vi phạm (1) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Xin gửi kèm theo:

- Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: (7) ;

- Các tài liệu kèm theo (nếu có) (8) .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

(2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;

(3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;

(4): Cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

(5): Ghi đầy đủ tên của dự án, cơ sở hoạt động hóa chất theo hồ sơ dự án hoặc đăng ký thành lập cơ sở;

(6): Tên Kế hoạch (thể hiện rõ tên dự án/cơ sở, tên tổ chức/cá nhân và phù hợp với phạm vi, đối tượng của Kế hoạch);

(7): Ghi số lượng bản Kế hoạch gửi trong hồ sơ;

(8): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

(9): Nội dung bản kế hoạch phải bao gồm hóa chất thuộc danh mục phải lập kế hoạch và hóa chất nguy hiểm tại cơ sở.

PHỤ LỤC III

Mẫu 03đ. Mẫu biên bản, báo cáo kết quả kiểm tra của Hội đồng thẩm định và mẫu phiếu nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định

(Thay thế Mẫu 03đ Phụ lục III kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT)

1. Mẫu biên bản việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

TÊN TỔ CHỨC (1)
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2), ngày ... tháng ... năm

BIÊN BẢN

Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Dự án(3) thuộc(4)

Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số.....của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Căn cứ Thông tư số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... về việc thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của các cơ sở hoạt động về hóa chất;

(Các căn cứ pháp lý khác có liên quan)

Xét Báo cáocủa(4) về kết quả thực hiện các yêu cầu của hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Dự án.....(3) thuộc.....(4)

I. Thông tin chung

1.1. Thời gian kiểm tra:

1.2. Địa điểm tiến hành kiểm tra:.....

1.3. Thành phần tham dự

a) Hội đồng thẩm định:

TT	Họ và tên	Chức vụ, cơ quan/đơn vị công tác	Chức danh trong Hội đồng
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			

Số thành viên có mặt:.....thành viên.

Số thành viên vắng mặt:.....thành viên. Cụ thể:.....

b) Đại diện chủ đầu tư:.....

TT	Họ và tên	Chức vụ
1		
2		
3		
4		
5		

c) Đại diện đơn vị tư vấn (nếu có)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1		
2		
3		
4		
5		

II. Thông tin về dự án/cơ sở hoạt động hóa chất

- Dự án:
- Địa điểm thực hiện:.....
- Chủ đầu tư:.....
- Đơn vị quản lý và vận hành:.....

- Trụ sở chính:.....
- (4) được cấp giấy chứng nhận đăng ký.....
- Các thông tin khác (nếu có).

IV. Nội dung kiểm tra

3.1. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định

(Nêu rõ các nội dung đạt yêu cầu; các nội dung chưa đạt yêu cầu, cán bộ bổ sung chỉnh sửa (nếu có))

3.2. Tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định

- Số thành viên hội đồng tham gia bỏ phiếu:..... thành viên.
- Số phiếu đồng ý phê duyệt Kế hoạch:..... phiếu.
- Số phiếu đồng ý phê duyệt Kế hoạch nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung:..... phiếu.
- Số phiếu không đồng ý phê duyệt Kế hoạch:..... phiếu.

V. Kết luận

1. Hội đồng thẩm định kiến nghị *phê duyệt/không phê duyệt* Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của.....(3) thuộc..... (4)

2. Các yêu cầu đối với..... (4) (nếu có)

Buổi kiểm tra kết thúc vào hồi.....Nội dung của Biên bản được thành viên tham gia nhất trí thông qua. Biên bản được in thành.....bản (.....)./.

THƯ KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan phê duyệt Kế hoạch;
- (2) Tỉnh, thành phố nơi cơ quan phê duyệt Kế hoạch đặt trụ sở chính;
- (3) Tên dự án hoặc cơ sở hóa chất;
- (4) Tên tổ chức, cá nhân chủ quản của dự án hoặc cơ sở hóa chất.

2. Mẫu báo cáo kết quả kiểm tra của Hội đồng thẩm định về việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

TÊN TỔ CHỨC (1)
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....(2), ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

Kết quả kiểm tra của Hội đồng thẩm định

Về việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Dự án.....(3) thuộc..... (4)

Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số.....của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Căn cứ Thông tư số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... về việc thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của các cơ sở hoạt động về hóa chất;

(Các căn cứ pháp lý khác có liên quan)

Xét Báo cáo.....của..... (4) về kết quả thực hiện các yêu cầu của hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã tiến hành kiểm tra thực tế/xem xét việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của(3) thuộc.....(4)

I. Thông tin chung

1.1. Hội đồng thẩm định

TT	Họ và tên	Chức vụ, cơ quan/đơn vị công tác	Chức danh trong Hội đồng
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			

Số thành viên có mặt:.....thành viên.

Số thành viên vắng mặt:.....thành viên. Cụ thể:.....

1.2. Đại diện chủ đầu tư:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1		
2		
3		
4		
5		

1.3. Đại diện đơn vị tư vấn, (nếu có)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1		
2		
3		
4		
5		

II. Thông tin về dự án/cơ sở hoạt động hóa chất

- Dự án:
- Địa điểm thực hiện:.....
- Chủ đầu tư:.....
- Đơn vị quản lý và vận hành:.....
- Trụ sở chính:.....
- (4) được cấp giấy chứng nhận đăng ký.....
- Các thông tin khác (nếu có).

III. Kết quả kiểm tra

3.1. Tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định

- Các nội dung đạt yêu cầu
- Các nội dung chưa đạt yêu cầu (nếu có)

3.2. Tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định

- Số thành viên hội đồng tham gia bỏ phiếu:..... thành viên.
- Số phiếu đồng ý phê duyệt Kế hoạch:..... phiếu.
- Số phiếu không đồng ý phê duyệt Kế hoạch:..... phiếu.

IV. Kết luận

1. Hội đồng thẩm định kiến nghị *phê duyệt/không phê duyệt* Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của.....(3) thuộc..... (4)

2. Các yêu cầu đối với (4) *(nếu có)*

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của.....(3) thuộc..... (4)/.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan phê duyệt Kế hoạch;
- (2) Tỉnh, thành phố nơi cơ quan phê duyệt Kế hoạch đặt trụ sở chính;
- (3) Tên dự án hoặc cơ sở hóa chất;
- (4) Tên tổ chức, cá nhân chủ quản của dự án hoặc cơ sở hóa chất.

3. Mẫu Phiếu nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

TÊN TỔ CHỨC (1)
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2), ngày ... tháng ... năm

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Về việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Dự án(3) thuộc

.....(4)

1. Thông tin kế hoạch:

- Tên kế hoạch: Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của(3) thuộc(4)
- Cơ sở hoạt động hóa chất:
- Địa điểm thực hiện.

- Tổ chức quản lý:

2. Thông tin người nhận xét:

Họ tên:

Chức vụ:

Cơ quan:.....

3. Kết quả đánh giá (thành viên Hội đồng **ký** vào ô đã lựa chọn):

- Đồng ý phê duyệt Kế hoạch ☐

- Không đồng ý phê duyệt Kế hoạch ☐

4. Ý kiến nhận xét:

4.1 Các nội dung đạt yêu cầu:

.....

4.2 Các nội dung chưa đạt yêu cầu (nếu có):

.....

.....

Người nhận xét, đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04

PHỤ LỤC VI

Mẫu 06a. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

(Thay thế Mẫu số 06a Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT)

TÊN TỔ CHỨC⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾

....., ngày ... tháng ... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy phép ...⁽³⁾ ... hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, nhóm....⁽⁵⁾

Kính gửi:⁽⁴⁾

Tên tổ chức: (1)

Địa chỉ trụ sở chính:Điện thoại:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp ngày.... tháng....năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....

Số CCCD/ Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật, ngày cấp:

Người được ủy quyền ký văn bản đề nghị:....., số ủy quyền:.....

Đề nghị.....⁽⁴⁾ xem xét, cấp Giấy phép.....⁽³⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với nhóm....⁽⁵⁾, gồm:

1. Sản xuất (*):

a. Địa điểm cơ sở sản xuất:

b. Địa điểm kho chứa hóa chất.....

c. Thông tin hóa chất đăng ký sản xuất (Tổ chức cần cung cấp đầy đủ các thông tin như sau);

- Tên thương mại

.....

Tên chất/tên thành phần ⁽⁶⁾

.....

Mã CAS chất/thành phần

.....

Hàm lượng thành phần (%) ^(***):

.....

Quy mô sản xuất hàng năm (kg)

.....

2. Hóa chất kinh doanh (**):

.....

a. Địa điểm cơ sở kinh doanh:

.....

b. Địa điểm kho chứa hóa chất:

.....

c. Thông tin hóa chất đăng ký kinh doanh. (Tổ chức cần cung cấp đầy đủ các thông tin như sau)

.....;

- Tên thương mại:

.....

Tên chất/tên thành phần ⁽⁶⁾

.....

Mã CAS chất/thành phần:

.....

Hàm lượng thành phần (%) ^(***):

.....

Quy mô kinh doanh hàng năm (kg)

.....

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm.....⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.;

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: - (1): Tên tổ chức đăng ký cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

- (2) Số ký hiệu văn bản;

- (3): Tên loại Giấy phép sản xuất, kinh doanh;

- (4): Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

- (5): Loại nhóm (nhóm 1, nhóm 2) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

- (6); Kê khai thành phần thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện; Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

- (*) và (**): Kê khai thông tin liên quan đến hoạt động của tổ chức đăng ký Giấy phép.
- (***) : Cho phép ghi hàm lượng khoảng từ nhỏ nhất đến lớn nhất theo thông tin cung cấp của tổ chức đăng ký cấp giấy phép.

Mẫu số 05**PHỤ LỤC VI**

Mẫu 06b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

(Thay thế Mẫu 06b Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT)

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....⁽²⁾

..., ngày ... tháng ... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại/Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm... ⁽⁴⁾

Kính gửi: ... ⁽³⁾Tên tổ chức:⁽¹⁾.

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do..... cấp ngày....tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:

.....

Số CCCD/ Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật, ngày cấp:.....

Người được ủy quyền ký văn bản đề nghị:....., số ủy quyền:.....

.....

Đề nghị.....xem xét cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm.... ⁽⁴⁾số.....ngày.... tháng.... năm....

- Lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:

.....
- Thông tin đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:
.....

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức đăng ký cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (2): Số ký hiệu văn bản;
- (3): Cơ quan có thẩm quyền cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (4): Loại nhóm (nhóm 1, nhóm 2) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

Mẫu số 06

PHỤ LỤC VI

Mẫu 06c. Mẫu Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

(Thay thế Mẫu 06c Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT)

TÊN CƠ QUAN
CẤP GIẤY PHÉP ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GP-.....⁽³⁾

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP ... ⁽²⁾

HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT (nhóm... (4))**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP (5)**

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ..... (6) ;

Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép ... (2) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt của..... (6);

Theo đề nghị của (7).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép:..... (6).

1. Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:.....

2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: (*)

3. Địa chỉ cơ sở kinh doanh hóa chất:..... (**)

4. Địa chỉ kho chứa hóa chất:.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp ngày... tháng ...năm....

6. Mã số doanh nghiệp/thuế:.....

7. Người đại diện pháp luật:..... chức vụ:.....

8. Số CCCD/ Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật, ngày cấp.....

Được..... (1) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt với chủng loại và quy mô cụ thể như sau:

- Tên thương mại:

Tên chất/Tên thành phần(***).....

Mã CAS a chất/thành phần.....

Hàm lượng thành phần (%) (****).....

Quy mô sản xuất/kinh doanh hàng năm (kg).....

Điều 2. (6)..... phải thực hiện đúng các quy định tại các văn bản sau đây:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

- Các quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. ⁽⁶⁾..... phải đảm bảo điều kiện sử dụng Giấy phép sau đây:

- Lưu Giấy phép tại trụ sở chính và xuất trình Giấy phép khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

- Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy phép.

- Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố Giấy phép.

- Báo cáo ⁽¹⁾..... khi có sự thay đổi điều kiện ⁽²⁾ của đơn vị được cấp Giấy phép (Đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa điểm, quy mô...).

- Báo cáo..... ⁽¹⁾ khi chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt hoặc khi bị mất, hỏng Giấy phép.

- Nộp lại Giấy phép tại cơ quan cấp Giấy phép khi hết hạn sử dụng.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và có giá trị đến ngày..... ⁽⁸⁾

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP ⁽⁵⁾

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 1;

- Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) ⁽⁹⁾;

- UBND cấp tỉnh ⁽¹⁰⁾;

- Lưu: ..., ⁽¹¹⁾;

Ghi chú: - (1): Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

- (2): Tên loại giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất;

- (3): Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy phép;

- (4): Loại nhóm (nhóm 1, nhóm 2) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

- (5): Chức danh thủ trưởng cơ quan cấp Giấy phép;

- (6): Căn cứ pháp lý khác (nếu có);

- (7): Lãnh đạo đơn vị thụ lý hồ sơ;

- (8): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm....

- (9): Gửi Cục Hóa chất trong trường hợp UBND cấp tỉnh cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2;
- (10): Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gửi bản sao Giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý.
- (11): Lưu đơn vị thụ lý hồ sơ;
- (*), (**): Ghi rõ địa chỉ sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức.
- (***) : Kê khai thành phần thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện; Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (****): Cho phép ghi hàm lượng khoảng từ nhỏ nhất đến lớn nhất theo thông tin cung cấp của tổ chức đăng ký cấp giấy phép.

Mẫu số 07**PHỤ LỤC X****Mẫu 10a. Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện**

(Thay thế Mẫu 10a Phụ lục X kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT)

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ⁽²⁾

..., ngày ... tháng ... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ... ⁽³⁾ ...hóa chất có điều kiện**Kính gửi: ⁽⁴⁾Tên tổ chức: ¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số.....do.... cấp ngày....tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....

CCCD/ Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật, ngày cấp Người được ủy quyền ký văn bản đề nghị:....., số Ủy quyền:.....

Đề nghị.....⁽⁴⁾ xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....⁽³⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện, gồm:

1. Sản xuất (*)

a. Địa điểm cơ sở sản xuất:

.....,

b) Địa điểm kho chứa hóa chất:

.....

c. Thông tin hóa chất đăng ký sản xuất (tổ chức cần cung cấp đầy đủ các thông tin như sau):

.....

- Tên thương mại:

.....

Tên chất/tên thành phần ⁽⁵⁾

.....

Mã số CAS chất/thành phần:

.....

Hàm lượng thành phần (%):

.....

2. Hóa chất kinh doanh (**):

a) Địa điểm cơ sở kinh doanh.....

b) Địa điểm kho chứa hóa chất:.....

c) Thông tin hóa chất đăng ký kinh doanh (Tổ chức cần cung cấp đầy đủ các thông tin như sau)

.....

- Tên thương mại:

.....

Tên chất/tên thành phần ⁽⁵⁾

.....

Mã số CAS chất/thành phần:

.....

Hàm lượng thành phần (%) ^(***):

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm.....⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

- Ghi chú:* - (1): Tên tổ chức đăng ký cấp giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (2): Ký hiệu số văn bản của tổ chức đăng ký cấp giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (3): Loại thủ tục sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện;
- (4): Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện;
- (5): kê khai thành phần thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện.
- (*) và (**): Tùy theo loại thủ tục cấp giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện tại đơn đăng ký để hoàn thành tương ứng.
- (***) : Cho phép ghi hàm lượng khoảng từ nhỏ nhất đến lớn nhất theo thông tin cung cấp của tổ chức đăng ký cấp Giấy chứng nhận.

Mẫu số 08

PHỤ LỤC X

Mẫu 10b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện

(Thay thế Mẫu 10b Phụ lục X kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT)

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số⁽²⁾

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại/ Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ...⁽³⁾ ...hóa chất có điều kiện

Kính gửi: ...⁽⁴⁾

Tên tổ chức:⁽¹⁾.

Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số.....do.....cấp ngày.... tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....

Số CCCD/Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật, ngày cấp:.....

Người được ủy quyền:.....

Đề nghị⁽⁴⁾ xem xét cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện số⁽⁵⁾ ngày.... tháng....năm.....

- Lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:.....

- Thông tin đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:.....

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm.....⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên tổ chức đăng ký cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(2) Ký hiệu số văn bản của tổ chức đăng ký cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(3) Loại thủ tục sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện.

(4) Cơ quan có thẩm quyền cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Mẫu số 09

PHỤ LỤC X

Mẫu 10c. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện

(Thay thế Mẫu 10c Phụ lục X kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT)

TÊN CƠ QUAN CẤP GCN ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GCN-.....⁽²⁾

...., ngày ... tháng ... năm

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh có điều kiện.....⁽¹⁾ (cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh)

Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15:

Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ⁽³⁾;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh/ sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện của⁽⁴⁾.

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh/sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện cho.....⁽⁴⁾

1. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

2. Điện thoại

.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số..... docấp ngày.... tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....

Số CCCD/Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật, ngày cấp:.....

Đủ điều kiện để sản xuất hóa chất có điều kiện, kinh doanh hóa chất có điều kiện với các nội dung sau đây:

a. Sản xuất

- Địa điểm cơ sở sản xuất:

- Thông tin hóa chất đăng ký sản xuất.....

- Tên thương mại:

.....

Tên chất/tên thành phần ⁽⁸⁾

.....

Mã số CAS chất/thành phần:

.....

Hàm lượng thành phần (%):

.....

b. Kinh doanh hóa chất

-. Địa điểm cơ sở kinh doanh, lưu trữ hóa chất:.....

- Thông tin hóa chất đăng ký kinh doanh

- Tên thương mại:

.....

Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁸⁾

.....

Mã số CAS chất/thành phần:

.....

Hàm lượng thành phần (%):

.....

.....

Điều 2:⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số

điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận này có giá trị kể từ ngày.....⁽⁵⁾

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Hóa chất (Bộ Công Thương);
- UBND tỉnh, thành phố⁽⁷⁾;
- Lưu: VT,

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY
CHỨNG NHẬN (6)**
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: - (1): Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;

- (2): Ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;

- (3): Văn bản ý kiến trả lời của UBND cấp tỉnh trong trường hợp lấy ý kiến;

- (4): Tên tổ chức, được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;

- (5): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm....;

- (6): Chức danh thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;

- (7): Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gửi bản sao Giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý;

- (8): Khai thành phần thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện; Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

Mẫu số 10

PHỤ LỤC XI

Mẫu 11a. Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

(Thay thế Mẫu 11a Phụ lục XI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT)

TÊN TỔ CHỨC (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾

....., ngày.....tháng.....năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

Kính gửi:⁽³⁾

Tên tổ chức:⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:....., Điện thoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm...

Đại diện pháp luật:.....Chức vụ:.....

Số CCCD/Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật, ngày cấp:.....

Người được ủy quyền:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐ Tồn trữ ☐

Đề nghị ...⁽³⁾ xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với kho chứa hóa chất cụ thể như sau:

1. Địa điểm kho tồn trữ hóa chất:

- Địa chỉ:.....

- Quy mô kho bãi:.....

2. Danh mục loại hóa chất đăng ký tồn trữ

a. Theo nhóm hóa chất (*)

Tên loại nhóm hóa chất:.....

Quy mô tồn trữ tối đa tại một thời điểm (kg).....

b. Theo hóa chất (**)

Tên hóa chất.....

Mã số CAS:.....

Hàm lượng %:.....

Công thức hóa học:.....

Quy mô tồn trữ tối đa tại một thời điểm (kg)

.....

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số.../2026/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi

tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật...⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.
- (2): Ký hiệu số văn bản.
- (3): Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.
- (*), (**): Tổ chức lựa chọn kê khai theo nhóm hoặc kê khai theo đơn chất cho phù hợp hoạt động của đơn vị

Mẫu số 11

PHỤ LỤC XI

Mẫu 11b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

(Thay thế Mẫu 11b Phụ lục XI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT)

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾

....., ngày.....tháng.....năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

Kính gửi:⁽³⁾

Tên tổ chức:⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:....., Điện thoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm...

Đại diện pháp luật:.....Chức vụ:.....

Số CCCD/Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật, ngày cấp:.....

Người được ủy quyền:

.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐ Tồn trữ ☐

....⁽¹⁾ đã được⁽³⁾ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất số ngày tháng năm.....

Đề nghị.....⁽³⁾..... xem xét, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện⁽⁴⁾ hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với kho chứa hóa chất cụ thể như sau:

- Lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:

.....

- Thông tin đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:.....

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm.....⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: - (1); Tên tổ chức đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

- (2): Ký hiệu số văn bản.

- (3): Cơ quan có thẩm quyền cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

Mẫu số 12

PHỤ LỤC XI

Mẫu 11c. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

(Thay thế Mẫu 11c Phụ lục XI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT)

TÊN CƠ QUAN CẤP GCN ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-.....⁽²⁾

...., ngày ... tháng ... năm

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TỒN TRỮ HÓA CHẤT
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP ⁽³⁾

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ⁽⁴⁾;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất của.....⁽⁵⁾;

Theo đề nghị của.....⁽⁶⁾.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép:.....⁽⁵⁾ ;

1. Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... ;
2. Địa chỉ kho tồn trữ hóa chất:.....
3. Diện tích kho tồn trữ hóa chất:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số: ... do.....cấp ngày ... tháng ... năm..
5. Mã số doanh nghiệp/thuế:.....
6. Người đại diện pháp luật:..... chức vụ:.....

Số CCCD/Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật, ngày cấp:.....Được phép hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất với chủng loại, quy mô cụ thể như sau:

a. Theo nhóm hóa chất ^(7a)

Tên loại nhóm hóa chất:.....

Quy mô tồn trữ tối đa tại một thời điểm (kg).....

b. Theo hóa chất ^(7b)

Tên hóa chất.....

Hàm lượng %.....

Mã số CAS:.....

Công thức hóa học:.....

Quy mô tồn trữ tối đa tại một thời điểm (kg)

Điều 2. ⁽⁵⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại các văn bản sau đây:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

- Các quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. ⁽⁵⁾ phải đảm bảo điều kiện sử dụng Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất sau đây:

- Lưu Giấy chứng nhận tại trụ sở chính và xuất trình Giấy chứng nhận khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;

- Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy chứng nhận;

- Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố Giấy chứng nhận;

- Báo cáo ⁽¹⁾ khi có sự thay đổi điều kiện của đơn vị được cấp Giấy chứng nhận (Đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa điểm, quy mô...);

- Báo cáo ⁽¹⁾ khi chấm dứt hoạt động;

- Chỉ được phép hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất với quy mô tồn trữ, diện tích tồn trữ đã được cấp Giấy chứng nhận;

- Nộp lại Giấy chứng nhận tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận khi hết hạn sử dụng;

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và có giá trị đến ngày..... ⁽⁸⁾

Nơi nhận:

- Như Điều 1;

- Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) ⁽⁹⁾;

- UBND cấp tỉnh ⁽¹⁰⁾;

- Lưu:;

Ghi chú:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP⁽³⁾

(Ký tên và đóng dấu)

- (1): Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;
- (2): Ký hiệu văn bản Giấy chứng nhận;
- (3): Chức danh thủ trưởng cơ quan cấp Giấy chứng nhận;
- (4): Căn cứ pháp lý khác liên quan (nếu có);
- (5): Tên tổ chức đăng ký cấp Giấy chứng nhận;
- (6): Thông tin chức danh Lãnh đạo đơn vị thụ lý hồ sơ cấp Giấy chứng nhận;
- (7a), (7b): Tổ chức lựa chọn kê khai theo nhóm hoặc kê khai theo đơn chất cho phù hợp hoạt động của đơn vị.
- (8): Ghi cụ thể thời hạn giấy chứng nhận. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy chứng nhận cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận số.... ngày...tháng...năm....;
- (9): Gửi Cục Hóa chất - Bộ Công Thương trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ do UBND cấp tỉnh cấp;
- (10): Cơ quan có thẩm quyền cấp gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở tồn trữ hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý;

Mẫu số 13

Phụ lục IX

MẪU PHIẾU KIỂM SOÁT MUA, BÁN HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

(Thay thế Phụ lục IX kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT)

I. Thông tin bên bán

Tên tổ chức

Địa chỉ trụ sở.....

Điện thoại.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:.....

Ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....

Tên người đại diện theo pháp luật.....

Số CCCD/Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật.....

Ngày cấp CCCD/ Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật.....

Cơ quan cấp CCCD/ Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật.....

Tên người giao hàng.....

Ngày cấp CCCD/ Hộ chiếu người giao hàng.....

Cơ quan cấp CCCD/ Hộ chiếu người giao hàng.....

II. Thông tin bên mua

Tên tổ chức/ cá nhân.....

Địa chỉ trụ sở.....

Điện thoại.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....

Ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....

Tên người đại diện theo pháp luật.....

Số CCCD/Hộ chiếu người đại diện.....

Cơ quan cấp CCCD/ Hộ chiếu người đại diện.....

Tên người nhận hàng.....

Ngày cấp CCCD/ Hộ chiếu người nhận hàng.....

Cơ quan cấp CCCD/ Hộ chiếu người nhận hàng.....

III. Thông tin về mỗi hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được mua, bán bao gồm:

1. Thông tin về hóa chất:

Tên thương mại.....

Tên khoa học của thành phần hóa học thứ 1, 2,...n.....

Mã CAS của thành phần hóa học thứ 1, 2,...n.....

Hàm lượng của thành phần hóa học thứ 1, 2,...n.....

Hàm lượng của thành phần khác ⁽¹⁾.....

Khối lượng hóa chất mua bán.....

Mục đích mua: Kinh doanh/Sử dụng ⁽²⁾.....

Mã mục đích sử dụng ⁽³⁾.....

2. Thông tin chung:

Ngày giao hàng.....

Ngày lập phiếu.....

Số hóa đơn.....

Ngày hóa đơn.....

Ghi chú:

- (1): Bao gồm thông tin thành phần hóa chất khác.
- (2): Bao gồm việc sử dụng hóa chất trong sản xuất các loại hóa chất hoặc sản phẩm, hàng hóa khác.
- (3): Sử dụng các mã phù hợp với mục đích sử dụng chung được liệt kê tại bảng dưới đây:

Mã danh mục sử dụng	Danh mục sử dụng
01	Các chất trung gian
02	Dung môi cho sơn, vec ni, chất phủ, mực in và sản phẩm diệt khuẩn
03	- Dung môi cho chất kết dính, chất kết dính nhạy áp suất
04	- Dung môi làm sạch và tẩy nhờn kim loại
05	- Dung môi để làm sạch vải (công nghiệp giặt là, sấy khô)
06	- Dung môi làm sạch khác
07	- Dung môi để sản xuất và chế biến hóa chất
08	- Dung môi cho sol khí
09	- Dung môi khác
10	- Bộ điều chỉnh quy trình hóa học
11	- Chất tạo màu
12	- Sản phẩm giặt và làm sạch sử dụng trong công nghiệp
13	- Sản phẩm giặt và làm sạch sử dụng trong hộ gia đình, cơ quan
14	- Đánh bóng và pha trộn sáp (ví dụ như sàn, xe hơi, da)
15	- Sơn và lớp phủ (bao gồm sơn lót)
16	- Mực in và toners (gồm mực in cho văn phòng phẩm và resist inks - in cán)
17	- Chất chống ăn mòn cho sơn đáy tàu, chất chống ăn mòn cho lưới cá
18	- Các sản phẩm diệt khuẩn (I) (Trên/ trong sản phẩm)
19	- Các sản phẩm diệt khuẩn (II) [Không trên/ trong sản phẩm] sử dụng trong công nghiệp
20	- Các sản phẩm diệt khuẩn (III) sử dụng trong hộ gia đình, cơ quan
21	- Các sản phẩm nổ [bao gồm pháo hoa]

22	- Làm mát không khí, khử mùi
23	- Chất kết dính và chất bịt kín
24	- Vật liệu cảm quang, vật liệu chụp ảnh và vật liệu tẩm in
25	- Sản phẩm dệt may (bao gồm chế biến vải không dệt)
26	- Sản phẩm giấy và bìa
27	- Sản phẩm nhựa
28	- Sản phẩm cao su
29	- Sản phẩm da
30	- Sản phẩm thủy tinh, tráng men và xi măng
31	- Sản phẩm gốm sứ, gốm mỏng và chịu lửa
32	- Sản phẩm bánh mài, hợp chất mài, vật liệu ma sát và chất bôi trơn thể rắn
33	- Sản phẩm kim loại
34	- Hóa chất xử lý bề mặt
35	- Sản phẩm hàn
36	- dung dịch thủy lực, dầu cách điện, dầu chế biến, dầu bôi trơn (VD. Dầu làm trơn động cơ, dầu ổ trục, dầu máy nén, dầu mỡ)
37	- Chất lỏng sử dụng trong xử lý kim loại (ví dụ: dầu cắt, dầu cán, dầu ép, dầu làm nguội), dầu chống rỉ
38	- Sản phẩm điện và điện tử
39	- Pin điện, ắc quy
40	- Hóa chất xử lý nước
41	- Chất làm khô và chất hấp thụ
42	- chất lỏng truyền nhiệt
43	- Sản phẩm chống đóng băng và xả băng
44	- Phụ gia cho vật liệu xây dựng và các sản phẩm xây dựng (ví dụ: phụ gia bê tông, chất ngâm tẩm gỗ)
45	- Chất phụ gia cho vật liệu xây dựng và sản phẩm xây dựng (VD. Chất tan chảy tuyết, điều hòa đất, bình cứu hỏa)
46	- Hóa chất tẩy rửa
47	- Nhiên liệu và phụ gia nhiên liệu
48	Mục đích sử dụng khác

IV. LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỐC LÁ

Mẫu số 01

PHỤ LỤC 8

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH BÁN HÀNG THEO ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG

(Thay thế Phụ lục 8 kèm theo Thông tư số 43/2023/TT-BCT, Mẫu số 19 kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT))

TÊN NHÀ CUNG CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-.....

...., ngày ... tháng ... năm 20..

BÁO CÁO

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH BÁN HÀNG THEO ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG

(6 tháng đầu năm.....(hoặc 6 tháng cuối năm.....); cả năm.....)

Kính gửi: Bộ Công Thương

TÊN NHÀ CUNG CẤP:

Đã được Bộ Công Thương cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá sốngày..... thángnăm

Trụ sở tại:

Điện thoại:.....Fax:.....

STT	Tên thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá	Trụ sở chính	Địa bàn bán	Thuốc lá không đầu lọc		Thuốc lá đầu lọc bao mềm		Thuốc lá đầu lọc bao cứng		Tổng cộng	
				Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)
1											
2											
...											
	TỔNG CỘNG										

Kiến nghị, đề xuất:.....

.....

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

PHỤ LỤC 9

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH BÁN HÀNG THEO NHÃN HIỆU SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(Thay thế Phụ lục 9 kèm theo Thông tư số 43/2023/TT-BCT, Mẫu số 20 kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT)

TÊN NHÀ CUNG CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

....., ngày ... tháng ... năm 20..

BÁO CÁO

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH BÁN HÀNG THEO NHÃN HIỆU SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(6 tháng đầu năm.....(hoặc 6 tháng cuối năm); cả năm.....)

Kính gửi: Bộ Công Thương

TÊN NHÀ CUNG CẤP:.....

Đã được Bộ Công Thương cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá sốngày..... thángnăm

Trụ sở tại:

Điện thoại:.....Fax:.....

STT	Nhãn hiệu sản phẩm thuốc lá	Thuốc lá không đầu lọc		Thuốc lá đầu lọc bao mềm		Thuốc lá đầu lọc bao cứng		Tổng cộng	
		Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)
I. Nhãn quốc tế									
1									
2									
...									

II. Nhân trong nước									
1									
2									
	TỔNG CỘNG								

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

Phụ lục 55

Báo cáo tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá trên địa bàn

(Thay thế Phụ lục 55 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

UBND TỈNH, TP... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày ... tháng ... năm 20....

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ NĂM ...

Kính gửi: Bộ Công Thương

(1) xin báo cáo tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá trên địa bàn tỉnh năm ... như sau:

Số TT	Tên doanh nghiệp trồng cây thuốc lá	Địa điểm đầu tư trồng cây thuốc lá(1)	Thực hiện 6 tháng đầu năm ...		Thực hiện cả năm ...	
			Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
1	Doanh nghiệp A					
2	Doanh nghiệp B					
3	Doanh nghiệp C					
...						
	Tổng					

2. Đề xuất, kiến nghị
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi cụ thể tên địa bàn từng xã

Mẫu số 04

Phụ lục 62

Báo cáo tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá

(Thay thế Phụ lục 62 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm 20..

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ

(6 tháng đầu năm(hoặc 6 tháng cuối năm) ; cả năm)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh...

Số TT	Khoản mục	ĐVT	Thực hiện đầu tư năm 20...(1)	Kế hoạch đầu tư năm 20...(2)	Thực hiện đầu tư 6 tháng năm...(3)	Thực hiện năm 20...(4)	Kế hoạch năm 20...(5)
I	Tổng diện tích	ha					
II	Tổng sản lượng	Tấn					
Trong đó:							
1	Đầu tư trực tiếp (6):						
1.1	Diện tích	ha					

1.2	Sản lượng	Tấn					
2	Đầu tư gián tiếp (6)	Tấn					
1.1	Diện tích	ha					
1.2	Sản lượng	Tấn					

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập báo cáo
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Thực hiện đầu tư của năm trước;
- (2): Kế hoạch đầu tư của năm báo cáo;
- (3): Thực hiện 6 tháng của năm báo cáo;
- (4): Thực hiện cả năm của năm báo cáo;
- (5): Kế hoạch năm sau;
- (6): Ghi cụ thể diện tích, sản lượng của từng địa phương (từ cấp xã, tỉnh) đầu tư.

Mẫu số 05

Phụ lục 64

Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh chế biến nguyên liệu thuốc lá

(Thay thế Phụ lục 64 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm 20..

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá

Số TT	Loại nguyên liệu	ĐVT	Chế biến nguyên liệu phục vụ sản xuất trong nước	Chế biến nguyên liệu sản xuất xuất khẩu	Chế biến nguyên liệu gia công xuất khẩu
1	Lá thuốc lá	Tấn			
2	Sợi thuốc lá	Tấn			
3	Cọng thuốc lá...	Tấn			
....	...thuốc lá...				
	Tổng số	Tấn			

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập báo cáo
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

Phụ lục 65

Báo cáo tình hình sản xuất xuất khẩu và gia công xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá

(Thay thế Phụ lục 65 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

...., ngày ... tháng ... năm 20..

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT XUẤT KHẨU, GIA CÔNG XUẤT KHẨU
NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền cấp phép

TT	Nội dung thực hiện (1)	Hợp đồng số, ngày, năm tháng	Văn bản cho phép thực hiện của Cơ quan có thẩm quyền cấp phép	Số lượng nguyên liệu được phép nhập khẩu	Số lượng nguyên liệu đã nhập khẩu	Số lượng nguyên liệu đã sản xuất hoặc gia công	Số lượng nguyên liệu đã thanh khoản	Ghi chú
1								
2								
3								
....								

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập báo cáo
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi cụ thể nội dung thực hiện sản xuất xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu.